TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 4 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà: bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hoàng Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: ông Ngô Sỹ T (Ngô Sĩ T), sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Hoàng Thị L thống nhất trình bày:

Bà và ông Ngô Sỹ T kết hôn vào ngày 28/9/2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc, cho đến ngày 30/5/2017 thì ông T bỏ nhà đi làm ăn xa và từ đó không còn liên lạc gì với bà nữa. Ông bà sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau kể từ khi ông T bỏ đi làm ăn cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại nên bà làm đơn xin ly hôn ông T.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là Ngô Thị Hải L, sinh ngày 14/3/2002 và Ngô Thị Yến N, sinh ngày 28/10/2004. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Ngô Sỹ T: Tại thời điểm bà L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà L đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho ông T biết. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 13/01/2023, Tòa án phối hợp với Công an xã S tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho ông T nhưng ông T không nhận các văn bản trên và không ký vào biên bản giao nhận. Ngày 16/01/2023, Tòa án cùng UBND xã S trực tiếp về tại nhà riêng ông T để tiến hành làm việc với ông T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2023, ông T trình bày: ông và bà Hoàng Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2001 tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2012, bà L đi xuất khẩu lao động tại nước Nga được 01 năm thì bà L có quan hệ với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và ít quan tâm đến nhau. Năm 2018, bà L trở về Việt Nam nhưng không sinh sống cùng ông và kể từ đó cho đến nay ông bà sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay, bà L làm đơn khởi kiện ly hôn ông thì ông không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì ngoài tình cảm vợ chồng thì còn có trách nhiệm với các con nữa.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Ngô Thị Hải L, sinh ngày 14/3/2002 và Ngô Thị Yến N, sinh ngày 28/10/2004. Các con đã trưởng thành nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với các bên đương sự, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt. Không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, Điều 39; Điều 222; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Ngô Sỹ T.

Về quan hệ con chung: Không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí: buộc bà Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T cố tình vắng mặt trong các buổi hòa giải, do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời ban hành và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa

vào ngày 27/3/2023, ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Bà L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn"; ông T có nơi cư trú là thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn - ông Ngô Sỹ T cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27/3/2023 và Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì ông T vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngô Sỹ T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Trước đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai ngày 13/4/2023 đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc ông Ngô Sỹ T vắng mặt tại các phiên tòa là cố ý không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vắng mặt nhưng bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hoàng Thị L và ông Ngô Sỹ T.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Bà Hoàng Thị L và ông Ngô Sỹ T đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình ngày 28/9/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2017 (thời điểm ông T đi làm ăn) thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/3/2023, bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2023, ông T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 và sống ly thân nhau từ năm 2018, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T biết được bà L yêu cầu ly hôn ông nhưng khi Tòa án triệu tập làm việc ông đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù ông T trình bày không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên, việc không tham gia hoà giải, không đến Toà án để trình bày nguyện vọng của mình cho thấy ông T cũng không còn tình cảm gì với bà L, không mong muốn tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình với bà L. Qua đó, Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng của bà L, ông T đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn ông Ngô Sỹ T là phù hợp.

Về con chung: Ông bà đều thống nhất khai nhận vợ chồng có con 02 chung là Ngô Thị Hải L, sinh ngày 14/3/2002 và Ngô Thị Yến N, sinh ngày 28/10/2004. Các con chung của ông bà đã trưởng thành nên không phải xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí vụ kiện: Bà Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bà Hoàng Thị L và ông Ngô Sỹ T (Ngô Sĩ T)

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Ngô Sỹ T (Ngô Sĩ T).

3. Về quan hệ con chung: Các con chung của ông bà là Ngô Thị Hải L, sinh ngày 14/3/2002 và Ngô Thị Yến N, sinh ngày 28/10/2004, đều đã trên 18 tuổi nên phải xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng của cha mẹ.

4. Về quan hệ tài sản chung: Bà Hoàng Thị L và ông Ngô Sỹ T (Ngô Sĩ T) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí vụ kiện: Bà Hoàng Thị L phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0002679 ngày 06 tháng 01 năm 2023. Bà L đã nộp đủ án phí vụ kiện.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã S
(GCNKH số: 09, ngày 28/9/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu